### 1.1. Cấu trúc chương trình

*Bảng 1: Các khối kiến thức và tín chỉ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Khối kiến thức** | **Số tín chỉ** |
| **Tổng cộng** | **Trong đó:** |
| **Bắt buộc** | **Tự chọn** |
| 1 | Khối kiến thức đại cương | 43 | 43 | - |
| 2 | Khối kiến thức khối ngành  | 32 | 32 | - |
| 3 | Khối kiến thức ngành và chuyên ngành | 59 | 51 | 8 |
| *3.1* | *Khối kiến thức chung của ngành* | *25* | *21* | *4* |
| *3.2* | *Khối kiến thức chuyên ngành* | *24* | *20* | *4* |
| *3.3* | *Thực tập cuối khóa* | *10* | *10* | *-* |
| **Tổng** | **134** | **126** |  **8** |

*Khối kiến thức giáo dục đại cương* cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và những kỹ năng chung cơ bản, là tiền đề cho các học phần của khối ngành, ngành và chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo về sau, đồng thời, cũng là tiền đề cho việc học tập nâng cao trình độ cho sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học.

*Khối kiến thức chung của khối ngành* giúp bổ sung kiến thức và kỹ năng chung cơ bản của khối ngành Luật, là cơ sở để nghiên cứu và học tập các học phần của ngành Luật Kinh tế và chuyên ngành Luật Kinh doanh trong chương trình đào tạo.

*Khối kiến thức ngành* giúp bổ sung kiến thức và kỹ năng liên quan đến hoạt động pháp luật trong lĩnh vực kinh tế và quản lý kinh tế. Dù đảm nhận công việc gì, nhân viên hành chính, pháp chế trong doanh nghiệp, luật sư, luật gia hay những người làm việc trong những cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội và công ty quốc tế cần được trang bị những kiến thức, kỹ năng và thái độ đúng đắn để làm việc trong một môi trường mà pháp luật là nhân tố cơ bản điều chỉnh các mối quan hệ xã hội.

*Khối kiến thức chuyên ngành* hỗ trợ sinh viên phát triển năng lực chuyên nghiệp (tập trung chủ yếu vào kiến thức chuyên sâu và kỹ năng thực hành nghề nghiệp) trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh cả về phương diện lý thuyết và thực tiễn.

**1.2. Lộ trình đào tạo**

*Bảng 2: Lộ trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh doanh*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1** | **Bước 2** | **Bước 3** | **Bước 4** | **Bước 5** | **Bước 6** |
| [MIS1001] Tin học ứng dụng trong quản lý (3) |  |  |  |  | Thực tập tốt nghiệp: Chọn 01 trong 02 hình thức:[LAW4001] Báo cáo thực tập tốt nghiệp (4) và học bổ sung các môn tự chọn (6)[LAW4002] Khóa luận tốt nghiệp (10) |
| [LAW2009] Lịch sử Nhà nước và Pháp luật (3) |  |  |  |  |
| [TOU1001] Giao tiếp trong kinh doanh (3) |  |  |  |  |
| [MGT1002] Quản trị học (3) |  |  |  |  |
| [LAW1002] Lý luận chung NN và PL 1 (2) [LAW1002] Lý luận chung NN và PL 1 (2)  |  |  |  |  |
| [LAW2006] Luật Hiến pháp (3) | [LAW2007] Luật Hành chính (3) | [LAW2006] Luật Tố tụng hành chính (2) |  |
| [LAW3040] Xây dựng văn bản PL (2) |  |
| [LAW2008] Công pháp quốc tế (3) |  |  |  |
| [LAW2005] Luật Thương mại 1 | [LAW3048] Luật Chứng khoán (2) |  |  |
| [LAW3005] Luật Thương mại 2 (3) | [LAW3013] Luật Đầu tư (2) |  |
| [LAW3036] Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (2) |  |
| [LAW3051] Pháp luật về dịch vụ Logistics (2) |  |
| [LAW3041] Luật thương mại điện tử (2) |  |
| [LAW3008] Luật Tố tụng dân sự (3) | [LAW 3011] Tư pháp quốc tế (3) |
| [LAW2003] Luật Dân sự 1 | [LAW3009 Luật Hôn nhân và Gia đình (2) | [LAW3049]Luật thi hành án dân sự (2) |
| [LAW3003] Luật Dân sự 2 (3) |
| [LAW3045] Kỹ năng tư vấn pháp luật trong KDTM (2) |
| [LAW3044] Kỹ năng giải quyết tranh chấp trong KDTM (2) |
| [LAW3042] Pháp luật về du lịch (2) |
|  | [LAW3002] Luật Tài chính (2) |
| [LAW3035] Kỹ năng soạn thảo HĐTM (2) |  |
| [LAW3018] Luật Sở hữu trí tuệ (2) |  |
| [LAW3013] Luật Đất đai (3) | [LAW3037] Pháp luật kinh doanh bất động sản |
| [LAW3010] Luật Lao động (3) | [LAW3046] Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động (2) |
| [LAW3058] Pháp luật về Ngân hàng (2) |  |
|  |  |
| [LAW3027] Luật Môi trường (2) |  | [LAW3095] Đề án môn học (thực tế nghề nghiệp) (2) |
| [LAW3043] Kỹ năng cơ bản nghề luật (2) |  | [LAW3001] Luật Thương mại quốc tế (3) | [LAW3054] Luật WTO (2) |
| [LAW3050] Luật đầu tư quốc tế (2) |
| [LAW2004] Luật Hình sự 1 (3) | [LAW3053] Luật Hình sự 2-Phần tội phạm (2) | [LAW3007] Luật Tố tụng hình sự (3) |  |
|  |  | [LAW3047] Tội phạm trong lĩnh vực kinh tế (2) |   |
| [SMT1005] Triết học Mác – Lênin (3) |  |  |  |  |
|  | [SMT1008] Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2) |  |  |   |
|  | [SMT1006] Kinh tế chính trị Mác–Lênin  (2)                               |  |  |  |
|  | [SMT1007] Chủ nghĩa XHKH (2) |  | [SMT1004] Tư tưởng Hồ Chí Minh (2) |  |  |
| [MGT1001] Kinh tế Vi mô (3) |  |  |  |  |
| [ECO1001] Kinh tế Vĩ mô (3) |  |  |  |  |
| [SMT3010] Logic học (2) |  |  |  |  |
| [ENGELE1] Enghlish Elementary (3) |  |  |  |  |
|  | [ENG2015] English Communicationn 1 (3) |  |  |  |
| [ENGELE2] Enghlish Elementary 2 (4) | [ENG2016] English Communicationn 2 (2) | [ENG2017] English Composition B1 (3) | [ENG3004] Tiếng Anh chuyên ngành Luật (3) |   |
|  |  |  |  |  |
| **Ghi chú: […] Mã môn học** | Khối kiến thức đại cương |  | Khối kiến chuyên ngành |  |
|  **(…) Số tín chỉ** | Khối kiến thức chung khối ngành |  |  |  |
|  | Khối kiến thức chung của ngành  |  | Khối kiến thức tự chọn |  |